

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA NGUYỄN ĐỒNG CHI VÀO VIỆC NGHIÊN CỨU THỂ LOẠI VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

Trần Thị An*

I. Từ góc độ tiếp cận văn học bắt đầu chuyển sang góc độ tiếp cận folklore

Là bộ phận ngôn từ của folklore, thuật ngữ “văn học dân gian” trong nhiều trường hợp đã mang những định danh khác nhau, thể hiện các cách quan niệm khác nhau của các nhà nghiên cứu. Có thể hình dung khá rõ nét sự xuất hiện và thay đổi thuật ngữ này trong lý thuyết về công thức truyền miệng của Milman Parry và học trò của ông là Albert Lord, hai Giáo sư Trường Harvard, khi hai ông đề xuất lý thuyết truyền thống truyền miệng (oral tradition) trong một công trình nghiên cứu về sử thi.⁽¹⁾ Theo hai ông, khái niệm truyền miệng mà họ dùng cho sử thi đã từng có nhiều tên gọi, đều nhằm khu biệt bộ phận sáng tác này với văn học thành văn. Các tên gọi đó có khi là *dân gian* (folk) (thường bị đồng nhất với những người thực hành và lưu giữ chúng là “nông dân” (peasant) lạc hậu trong môi trường xã hội nông thôn); *bình dân* (popular) ngụ ý về những sản phẩm có chất lượng kém; *dân tộc* (national) trong cơn sốt chủ nghĩa dân tộc thế kỷ XIX; *nguyên thủy* (primitive) với ngụ ý rằng, sáng tác dân gian xuất hiện trước sáng tác thành văn. Không tán đồng với các quan điểm này, hai ông đề nghị sử dụng thuật ngữ *truyền miệng* (oral) dành cho sử thi với mục đích phân biệt sử thi truyền miệng và sử thi thành văn, cũng như cách thức mà nhiều nghệ nhân cùng tham gia sáng tạo nên một sử thi truyền miệng.⁽²⁾ Chạm đến vấn đề mấu chốt của đặc trưng văn học dân gian, tác giả viết: “Điều quan trọng không phải là việc diễn xướng bằng miệng mà là việc tổ chức tác phẩm *trong quá trình* diễn xướng bằng miệng”.⁽³⁾

Ở Việt Nam cũng vậy, thuật ngữ văn học dân gian được dùng phổ biến hiện nay từng đã có nhiều tên gọi: *văn học* (*truyền miệng, bình dân*), *văn chương* (*truyền khẩu, bình dân*). Và điều quan trọng là, dù folklore học ở Việt Nam chỉ mới trở thành một chuyên ngành nghiên cứu vào khoảng vài ba thập niên cuối thế kỷ XX nhưng nó đã được bắt đầu từ trước đó nhiều thế kỷ (nếu có thể tính công trình nghiên cứu ở thư tịch sớm nhất còn lại đến nay là “Lời bạt” của Vũ Quỳnh - Kiều Phú trong bản *Lĩnh Nam chích quái* năm 1492) với truyền thống nghiên cứu từ phương diện ngôn bản mà thuật ngữ chỉ nó đều có chung từ *văn học*. Do truyền thống nghiên cứu ngôn bản folklore của Việt Nam không thoát khỏi vấn vương “văn học” (cho đến tận hôm nay), trong các thuật ngữ trên, có thể nói, “văn học truyền miệng” là một thuật ngữ gần gũi hơn cả với bản chất folklore⁽⁴⁾ mà trong đó, sự tương tác giữa tính “văn học” với tính “truyền miệng” sẽ làm nên đặc trưng của folklore ngôn từ, khác biệt hoàn toàn với văn học viết.

Trong những năm 50 của thế kỷ XX, Nguyễn Đồng Chi đã sử dụng thuật ngữ “**văn học truyền miệng**” trong các công trình nghiên cứu với quan niệm rằng, đó là bộ phận văn học “được lưu truyền từ cửa miệng người này qua cửa miệng người khác” trong một thời gian dài thành “thói quen”, thành “truyền thống”.⁽⁵⁾ Tiếp tục

* PGS TS, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

truyền thống khẳng định tính chất/giá trị “văn học” của bộ phận nghệ thuật ngôn từ dân gian, Nguyễn Đồng Chi đã sử dụng cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu văn học viết; tuy nhiên, ông đã chú ý đúng mức tới tính chất “truyền miệng” làm nên tính đặc thù của bộ phận ngôn từ dân gian, khác biệt với “văn học viết”.

Sử dụng cách tiếp cận “văn học”, các nhà nghiên cứu ngôn từ dân gian (từ đây chúng tôi sử dụng thuật ngữ phổ biến là văn học dân gian) đã bắt đầu bằng việc nghiên cứu thể loại, một phương pháp thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu và các chương trình giảng dạy hơn cả, bởi nói như M. Bakhtin, thể loại là *nhân vật chính của tấn kịch lịch sử văn học* và lịch sử văn học, trước hết là sự hình thành, phát triển và tương tác giữa các thể loại.⁽⁶⁾

Đồng thời, ở giai đoạn đầu của folklore học, với tư cách là một ngành khoa học độc lập, thể loại là một vấn đề trung tâm của nghiên cứu folklore. Richard Bauman cho rằng: “Thể loại và vấn đề thể loại đã và đang là mối bận tâm chính yếu trong văn học dân gian, định hình nên bộ khung cho việc thu thập, lưu trữ, giảng dạy và nghiên cứu học thuật đối với văn học dân gian”.⁽⁷⁾ Hơn thế, Dan Ben-Amos còn cho rằng, “định thức của hệ thống phân loại trong folklore được xem là điều kiện tiên quyết đối với bất kỳ một bước tiến nào trong nghiên cứu”.⁽⁸⁾

Nằm trên ranh giới của folklore và văn học, vấn đề thể loại đương nhiên là vấn đề trọng tâm của nghiên cứu văn học dân gian, đặc biệt ở những bước đi ban đầu. Tính “bản lề” đó dần dần được các nhà nghiên cứu ý thức rõ hơn để xây dựng hệ thống lý thuyết thể loại riêng cho chuyên ngành mình. Văn học dân gian, do chưa được sáng tác một cách có ý thức, lại được lưu truyền trong môi trường truyền miệng nên các sáng tác ngôn từ folklore mang tính khẩu ngữ, tính công thức, tính dị bản; theo đó, các văn bản đến tay người đọc đều mang dấu ấn phong cách của người sưu tầm và văn bản hóa chúng.⁽⁹⁾ Bên cạnh đó, tính ngẫu hứng của sáng tác tạo nên hệ thống lời (verbal art: lời kể/lời nói/lời hát/lời diễn) mang tính “động” và tính “lỏng” cao khiến cho việc nghiên cứu đặc trưng thể loại văn học dân gian từ góc độ ngôn từ gặp phải nhiều khó khăn. Chính vì vậy, để xác định thể loại văn học dân gian, nhà nghiên cứu cần tìm đến các hệ quy chiếu khác ngoài văn bản như mục đích sáng tác của người nói/kể/hát/điễn hay đối tượng hướng đến của các hoạt động nói/kể/hát/điễn đó. Trên cơ sở đó, các thuật ngữ thể loại văn học dân gian được hình thành, vừa từ kinh nghiệm nghiên cứu liên ngành dường như đã sớm xuất hiện (dân tộc học, lý luận văn học, văn hóa học...), vừa từ mức độ thâm nhập vào tính “folk” của bộ phận ngôn từ này.

Bước vào địa hạt folklore từ ngày còn trẻ và xông xáo trên nhiều lĩnh vực, mối quan tâm hàng đầu của Nguyễn Đồng Chi đương nhiên cũng chính là vấn đề thể loại. Ở đây, ông có những khó khăn của người đi những bước ban đầu không sao tránh khỏi và cũng có những đề xuất tâm huyết, trở thành phát kiến có giá trị bền vững, mà người sau không thể không noi theo.

II. Hành trình kiếm tìm và phân định thể loại

Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi tập trung nghiên cứu những đóng góp của Nguyễn Đồng Chi về 3 thể loại văn học dân gian chủ yếu: *thần thoại*, *truyền thuyết* và *truyện cổ tích* - trong sự quy chiếu của tọa độ “văn học” và “truyền miệng” mà ông luôn ý thức đủ đầy, được thể hiện tập trung ở 4 công trình: *Việt Nam cổ văn học sử*,⁽¹⁰⁾ *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*,⁽¹¹⁾ *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*,⁽¹²⁾ *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (1958-1982).⁽¹³⁾

1. Nhận diện nhóm thể loại, thể loại và phân chia tiểu loại

1.1. Nhóm thể loại

Xuất phát từ sự phong phú, bề bộn và đa dạng về tư liệu, trước khi phân chia thể loại, các nhà nghiên cứu folklore trên thế giới đã tiến hành phân chia thành nhóm. Richard M. Dorson cho rằng, folklore bao gồm bốn nhóm: văn học truyền miệng, văn hoá vật chất, phong tục dân gian và nghệ thuật biểu diễn.⁽¹⁴⁾ Elliott Oring cũng cho rằng, folklore bao gồm nhiều nhóm, trong mỗi nhóm lại có các thể loại. Các nhóm ông đưa ra gồm: dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, trẻ em, tự sự dân gian, ballad và dân ca, tục ngữ và câu đố.⁽¹⁵⁾ Tuy việc lựa chọn tiêu chí khác nhau dẫn đến các cách phân loại khác nhau nhưng ở bảng phân loại của hai tác giả đều xuất hiện *văn học truyền miệng* hay *tự sự dân gian*. Điều này cho thấy tầm quan trọng của các thể loại tự sự dân gian trong bộ phận nghệ thuật ngôn từ dân gian.

Cũng như các nhà nghiên cứu folklore ngôn từ trên thế giới, việc phân chia thể loại văn học dân gian Việt Nam được bắt đầu bằng việc phân chia các nhóm. Cách thức được áp dụng phổ biến nhất là sử dụng cách phân loại văn học của Aristotle: tự sự, trữ tình và kịch; theo đó, văn học dân gian được chia thành *tự sự dân gian*, *trữ tình dân gian*, *sân khấu dân gian*. Trong *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam Q. I* (1957), chương “Văn học truyền miệng”, Nguyễn Đồng Chi đã từ thực tế văn học truyền miệng Việt Nam mà phân chia văn học dân gian thành ba bộ phận tương tự như cách phân loại của Aristotle: *Loại truyện* (thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện tiểu lâm, truyện khôi hài); *Loại văn vần* (tục ngữ, ca dao, dân ca); *Loại nghệ thuật sân khấu* (tuồng, chèo, cải lương).⁽¹⁶⁾ Mãi đến một vài thập niên sau và muộn hơn, mới xuất hiện một số cách phân nhóm khác như Đinh Gia Khánh - Chu Xuân Diên (1973) với 4 nhóm: *Tự sự dân gian*, *Trữ tình dân gian*, *Sân khấu dân gian* và *Lời ăn tiếng nói của nhân dân*;⁽¹⁷⁾ Cao Huy Đình (1974) với 4 nhóm gồm: *Văn học kể chuyện đời*, *Văn học phô diễn tâm tình*, *Văn học đúc kết kinh nghiệm thực tiễn* và *Văn học diễn trò (tổ hợp cả ba loại trên)*;⁽¹⁸⁾ Hoàng Tiến Tựu (1990) với 4 nhóm: *nói, kể, hát, diễn*.⁽¹⁹⁾ Chính Nguyễn Đồng Chi trong khi chủ biên công trình lớn *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh* vào đầu những năm 80 (1981-1983) cũng đã đặt tục ngữ, phương ngôn, câu đố vào phần “Tri thức dân gian”⁽²⁰⁾ bên cạnh các phần “Truyện kể dân gian”, “Thơ ca nhạc dân gian”, “Trò chơi, múa, hội diễn và sân khấu dân gian”, “Nghệ thuật và món ăn dân gian”, “Phong tục tập quán dân gian”.⁽²¹⁾ Sự phân nhóm với thời gian ngày một sát hợp hơn cho thấy các tác giả đã dần thoát ly khỏi khung phân loại của văn học viết, theo đó, phong cách nghệ thuật không được sử dụng làm tiêu chí phân loại nữa mà thay vào đó là tiêu chí “diễn xướng”; ở đây, tính “truyền miệng” sẽ là nhân tố quy định tính “văn học” của các ngôn bản.

Như đã nói ở trên, phần lời của văn học dân gian có tính “lỏng” và “động” bởi cách thức sáng tác và lưu truyền nên hiện tượng đan xen thể loại trong một tác phẩm văn học dân gian (chúng tôi tạm sử dụng từ “tác phẩm” của văn học viết để chỉ các đơn vị của sáng tác truyền miệng, ví dụ: 1 truyện kể, 1 bài ca dao, 1 câu tục ngữ...) là tương đối phổ biến. Chính vì vậy, việc nghiên cứu thể loại văn học dân gian còn có thêm ý nghĩa là để hiểu sâu hơn về từng đơn vị tác phẩm. Về điều này, V.Ia. Propp cũng có nhận định tương tự rằng, “chúng nào những đặc trưng của thể loại chưa được nghiên cứu, hoặc chỉ ít ra chưa được mô tả trên những nét đại cương thì những sáng tác riêng lẻ thuộc kết cấu thể loại cũng chưa thể được nghiên cứu”.⁽²²⁾

Trong bức tranh chung đó, dù theo những nhóm phân loại nào thì các thể loại tự sự dân gian lớn vẫn là: *thần thoại*, *truyền thuyết* và *truyện cổ tích*, mà ở đây, Nguyễn Đồng Chi đã có công đặt các viên gạch đầu tiên, và trong quá trình nghiên cứu, đã khẳng định tư thế của một nhà nghiên cứu hàng đầu Việt Nam và mang tầm quốc tế.

1.2. Xác định thể loại

Vào những năm cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, việc nghiên cứu thể loại văn học dân gian ở Việt Nam vẫn chưa được bắt đầu. Những công trình sưu tầm, biên soạn vào giai đoạn này như *Truyện đời xưa* (Trương Vĩnh Ký, xuất bản lần đầu vào năm 1866), *Chuyện giải buồn* (Huỳnh Tịnh Của, xuất bản lần đầu vào năm 1885), *Truyện cổ nước Nam* (Nguyễn Văn Ngọc, xuất bản lần đầu vào năm 1932) đều chưa có một ý thức rõ rệt về các thể loại văn học dân gian. Trong công trình nghiên cứu *Việt Nam văn học sử yếu* (1941) của Dương Quảng Hàm, chương “Văn chương bình dân” (thuộc thiên *Văn chương truyền khẩu*) chỉ mới đề cập tới một số thể loại ca dao, tục ngữ, thành ngữ, phương ngôn, câu ví; và sự thiếu hụt các thể loại tự sự dân gian đã được bổ sung trong công trình *Việt Nam cổ văn học sử*⁽²³⁾ của Nguyễn Đồng Chi. Với công trình này, có thể nói, Nguyễn Đồng Chi là người đầu tiên đặt vấn đề nghiên cứu các thể loại tự sự dân gian mà ông gọi là: *thần thoại*, *chuyện thần quái*, *chuyện vật*. Từ công trình đầu tiên nghiên cứu về văn học dân gian này, có thể thấy thể loại là một vấn đề ám ảnh Nguyễn Đồng Chi trong suốt cuộc đời nghiên cứu của mình. Ông đã nói: “xác định nội dung từng loại truyện cổ khác nhau để đi đến phân loại truyện cổ vẫn là một công việc hứng thú và luôn luôn có ý nghĩa đối với nhiều nhà nghiên cứu và sưu tầm văn học dân gian từ trước đến nay”.⁽²⁴⁾ Ông cũng đã điểm các cách phân loại văn học dân gian của các tác giả Nghiêm Toản và Thanh Lãng, Nguyễn Văn Ngọc và Trương Tửu để chỉ ra các bất cập của các cách phân loại này, coi đó là những chỗ mình cần bổ khuyết.

So với công trình đầu tiên về văn học sử năm 1942, nhận thức của Nguyễn Đồng Chi về thể loại văn học trong các công trình sau đã có nhiều bước tiến. Trong công trình *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, ông đã định danh ba thể loại tự sự dân gian bằng các tên gọi (mà các nhà nghiên cứu quốc tế và trong nước vẫn sử dụng cho đến hôm nay) là *thần thoại*, *truyền thuyết* và *truyện cổ tích*. Tuy trong bước đi ban đầu, sự phân định rạch ròi đặc trưng thể loại không phải đã được ông thực hiện triệt để (trong *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, Nguyễn Đồng Chi nhập truyền thuyết với thần thoại; trong *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, ông phân biệt truyền thuyết với cổ tích song coi truyền thuyết là gần gũi với tiểu loại “cổ tích lịch sử” và nhập chúng lại trong khi trình bày), nhưng phải thừa nhận rằng, việc nhận diện đúng đắn ba thể loại tự sự dân gian của Nguyễn Đồng Chi đã xác lập khung thể loại để chính ông và các nhà nghiên cứu sau ông có điều kiện đi sâu nghiên cứu đặc trưng thể loại.

1.3. Phân chia tiểu loại

Trong ba thể loại, việc phân chia tiểu loại được Nguyễn Đồng Chi áp dụng cho thể loại truyện cổ tích. Ông đã chia truyện cổ tích thành 3 loại: “truyện cổ tích thần kỳ” (trong lần in thứ nhất là *truyện cổ tích hoang đường*), “truyện cổ tích thế sự”, “truyện cổ tích lịch sử” và xác định các tiêu chí nhận diện chúng. Điều đặc biệt là, ngay từ năm 1958, quan điểm phân loại và tiểu loại truyện cổ tích của Nguyễn Đồng Chi đã có sự gặp gỡ với các học giả quốc tế về vấn đề phân định rạch ròi giữa tiểu loại *truyện cổ tích thần kỳ* và *truyện cổ tích thế sự*. Về tiểu loại truyện cổ

tích thần kỳ, ông viết: “Những truyền thuyết thần bí, kỳ quái, những truyện người, truyện vật nhưng bên trong *đầy đầy những sự can thiệp của huyền diệu* đều có thể xem là cổ tích thần kỳ”.⁽²⁵⁾ Thẩm định nguyên tắc xác định tiểu loại lên một tác phẩm cụ thể, ông viết: “Thật ra, tuy kết cục của truyện *Sự tích chim hít cô* có nói đến một đứa bé hóa thành chim, song mạch sống của toàn câu chuyện vẫn *không hề chịu chi phối bởi một yếu tố thần kỳ nào*”.⁽²⁶⁾ Về truyện cổ tích thể sự, ông viết: “Truyện cổ tích thể sự chẳng những không làm cho người nghe, người đọc quên mất cõi đời trước mắt mà lại dẫn họ xuyên sâu vào mọi ngõ ngách cuộc đời. Nó *không nói đến những cái phi thường*, những cái “quái đản bất kinh”, nhưng trong cái tầm thường, cái bình dị của các tình tiết, vẫn ẩn giấu một khả năng gây hứng thú mạnh mẽ, hoặc một điều gì đáng thương đáng cảm rất mực”.⁽²⁷⁾ Ở đây, ông đã lấy “phạm vi hoạt động của yếu tố thần kỳ” làm tiêu chí nhận diện truyện cổ tích thần kỳ và truyện cổ tích thể sự. Đây cũng chính là quan điểm nhận diện truyện cổ tích thần kỳ “trong truyện cổ tích thần kỳ, các xung đột được giải quyết trong địa hạt của cái thần kỳ và nhờ cái thần kỳ”⁽²⁸⁾ của các nhà folklore học Nga; tiêu chí này được coi là quan trọng và thuyết phục nhất để phân biệt truyện cổ tích thần kỳ và truyện cổ tích thể sự, nhận được sự thống nhất cao trong giới cổ tích học trên thế giới. Đề xuất các quan điểm có tính chất lý thuyết về thể loại và tiểu loại truyện cổ tích từ khá sớm, điều này cho thấy tính mẫn cảm khoa học của Nguyễn Đồng Chi.

2. Lịch sử văn học dân gian - nhìn từ thể loại

Cũng như các nhà nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam khác, trong các nghiên cứu của mình, Nguyễn Đồng Chi có một mối quan tâm khá thường trực là nghiên cứu lịch sử văn học dân gian, mà với ông là việc nghiên cứu lịch sử các thể loại. Có thể thấy mối ám ảnh, sự trăn trở của ông đã được thể hiện lặp đi lặp lại, ở nhiều mức độ khác nhau trong hàng trăm trang viết, cụ thể ở: “Vận văn khai mào cho văn học” và “Chuyện đời xưa” (*Việt Nam cổ văn học sử*), “Lai lịch thần thoại” (*Lược khảo về thần thoại Việt Nam*), “Sự suy vong của truyện thần thoại và con đường biến hóa của truyện thuyết Việt Nam” (*Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, Q. I, tr. 91); “Sự phát triển của truyện cổ Việt Nam” (*Sơ thảo*, Q. I, tr. 94), “Truyện cổ Việt Nam qua các thời đại” (*Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1).

Nếu như trong *Việt Nam cổ văn học sử*, với 5 trang viết, hầu như ông chưa đặt vấn đề nghiên cứu lịch sử văn học dân gian mà chỉ mới liệt kê một vài hiện tượng mà ông cho là “vận văn buổi đầu”, vì “sách vở khiếm khuyết chỉ truyền khẩu mà thôi” thì đến *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, ông đã dành hẳn một chương viết về “lai lịch thần thoại” để nêu những luận điểm của mình về nguồn gốc thần thoại và quá trình diễn tiến từ đa thần đến nhất thần để sắp xếp các mẫu thần thoại thành hệ thống và sự lụi tàn của thần thoại trong các bước giải thiêng mà ông cho rằng, “thần thoại trong khoảng cuối của nó, người, vật cũng như ma, quỷ đã len lỏi rải rác vào trong hàng ngũ của thần”, khiến “thần thoại đã kém mất một phần nào tính chất thuần túy của nó”.⁽²⁹⁾

Trong *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, Nguyễn Đồng Chi đã phát biểu quan điểm của mình về sự phát sinh, phát triển và suy tàn của ba thể loại thần thoại, truyện thuyết và truyện cổ tích Việt Nam. Theo ông, thời đại của thần thoại là thời tiền và sơ sử; thời đại của truyện thuyết là thời kỳ Bắc thuộc; thời đại của truyện cổ tích là thời kỳ phong kiến tự chủ. Ông viết: “Thời kỳ sự sáng tác ra truyện thần thoại bắt đầu suy lại là thời kỳ thịnh của sự sáng tác ra truyện thuyết. Thời kỳ sản sinh ra truyện thuyết có lẽ bắt đầu từ khi tộc Việt tiếp xúc với cuộc xâm lược

của phong kiến Trung Hoa... Thời kỳ chế độ phong kiến là thời kỳ truyện cổ tích xuất hiện khá nhiều”.⁽³⁰⁾

Trong phần viết “Truyện cổ Việt Nam qua các thời đại” (*Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*), Nguyễn Đồng Chi tiếp tục khẳng định quan điểm của mình về sự phát sinh, phát triển của ba thể loại thần thoại, truyền thuyết và truyện cổ tích; khảo sát truyện dân gian trong các thư tịch thời Trung đại. Một đóng góp đặc biệt của Nguyễn Đồng Chi ở phần viết này là ông khẳng định thời điểm suy tàn của truyện cổ tích vào cuối thời Lê. Khẳng định này của ông dựa trên cơ sở lý thuyết mà ông đã có dịp bàn đến từ trước, đó là sự khác biệt của *hai loại tư duy truyện cổ tích và tiểu thuyết* vốn được nảy sinh từ hai loại bối cảnh xã hội khác nhau. Bối cảnh xã hội cuối đời Lê được Nguyễn Đồng Chi nhận diện với 4 biểu hiện: a) phong trào nông dân khởi nghĩa; b) tín ngưỡng đạo Tiên lẫn át đạo Phật; c) sự mở rộng lãnh thổ đất nước về phương Nam; d) xu hướng tiểu thuyết hóa và diễn bằng văn vần, được ông cho là bối cảnh tạo điều kiện cho nghệ thuật tiểu thuyết bắt đầu hình thành, và chính bối cảnh này sẽ triệt tiêu dần cảm hứng sáng tạo và thị hiếu thưởng thức truyện cổ tích.

Những vấn đề mà Nguyễn Đồng Chi nêu lên về lịch sử phát triển các thể loại thần thoại, truyền thuyết và truyện cổ tích đặt ra nhiều vấn đề khoa học để chúng ta trao đổi, chẳng hạn như: sự ứng hợp của từng giai đoạn lịch sử với sự phát sinh, phát triển và tàn lụi của từng thể loại cụ thể; bản chất của thể loại trong mối tương quan với thời đại sản sinh và tồn tại của nó; tính “phản ánh” thời đại của nội dung thể loại...

3. Nghiên cứu đặc trưng thể loại

3.1. Thần thoại

Là một thể loại quan trọng của folklore, thần thoại nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu hàng đầu, và trên thực tế, đã trở thành một ngành nghiên cứu độc lập (ngành *thần thoại học*) với việc nghiên cứu bộ phận ngôn từ dân gian. Là một ngành nghiên cứu đòi hỏi tính liên ngành cao, thần thoại học có sự kết hợp nhuần nhuyễn của các cách tiếp cận và các phương pháp nghiên cứu của dân tộc học, khảo cổ học, sử học, tôn giáo học, nghệ thuật học, văn học dân gian và nhân học; được thực hiện bởi sự dẫn thân của các nhà khoa học. Kết quả của sự dẫn thân đó là những công trình nghiên cứu kinh điển về thần thoại các bộ tộc ít người sống trong các vùng xa xôi hẻo lánh, và thông qua đó, các nhà thần thoại học đã tạo ra các phương pháp nghiên cứu kinh điển như thuyết tiến hóa luận (evolution theory) với Edward Burnett Tylor, phương pháp nghiên cứu huyền thoại nhìn từ ma thuật và tôn giáo (magic and religion) của James George Frazer, thuyết phân tâm học (psychoanalytic) với Carl Jung, thuyết lan truyền (diffusion theory) với F. Boas, thuyết chức năng (function theory) với Bronislaw Malinowski, thuyết cấu trúc (structure theory) với E. Durkheim, thuyết địa lý-nhân học (anthropo-geography) của F. Ratzel... Trước di sản đồ sộ được kiến tạo hàng trăm năm đó, để so sánh thì cần nhận thấy rằng, việc nghiên cứu thần thoại Việt Nam, cho đến đầu thế kỷ XXI, vẫn hãy còn là một ngành non nớt và bất cập. Phải từ điểm nhìn mang tính so sánh này mới đánh giá hết công lao và kết quả nghiên cứu thần thoại của học giả Nguyễn Đồng Chi cách đây hơn nửa thế kỷ.

Bằng trực giác nhạy bén của một nhà folklore học bẩm sinh, Nguyễn Đồng Chi đã bắt tay nghiên cứu thần thoại từ khá sớm, và bằng công trình *Lược khảo*

về thần thoại Việt Nam, ông đã đặt nền móng cho việc nghiên cứu thần thoại Việt Nam, mà sau ông vài chục năm vẫn chưa có chuyên khảo nào tiếp tục xuất hiện. Để thực hiện tập chuyên khảo - tư liệu này, Nguyễn Đồng Chi có sự dấn thân, cả về ý thức đột phá vào một chuyên ngành học búa và mới mẻ lẫn việc mày mò tra cứu trong thư tịch và lặn lội tìm kiếm tư liệu trong thực tế. Trong công trình này, Nguyễn Đồng Chi lần đầu tiên giới thiệu cho giới nghiên cứu và độc giả Việt Nam hệ thống lý luận về thần thoại và một số thần thoại của các dân tộc. Ông đã thể hiện quan niệm về thần thoại: “Thần thoại là sự tích về các thần”,⁽³¹⁾ là “thần” của người nguyên thủy, xuất phát từ quan niệm vạn vật hữu linh như thần Sét, thần Mưa... “để trình bày những ý kiến thô sơ về vũ trụ và nhân sinh, ghi nhớ các sự kiện lịch sử xảy ra lúc đó”,⁽³²⁾ phân biệt thần tự nhiên trong thần thoại với các “thần” trong các nghi thức thờ cúng như thần Ăn trộm, thần Chết nghen, thần Lợn (“nếu thần trong thần thoại là tưởng tượng của người nguyên thủy muốn cất nghĩa bản thân và ngoại giới mà có thì thần trong thần tích lại do sự thờ cúng và tín ngưỡng phức tạp tạo nên”⁽³³⁾)... Trong công trình này, Nguyễn Đồng Chi đã đặt ra những vấn đề mà ngành thần thoại học thế giới quan tâm như:

Quá trình hình thành hệ thần thoại (mythology) của thần thoại Việt Nam từ những mẫu kể riêng lẻ đến việc xây dựng thành hệ thống: “Nguyễn Đồng Chi đã tỉ mỉ xếp đặt để cuối cùng dựng lên một hệ thống thần thoại Việt Nam với 4 tầng không gian riêng biệt, và nhìn theo thời gian thì cũng là 4 chặng đường lịch sử của sự hình thành dân tộc Việt: 1) Tầng trời, ở đó tồn tại các thiên thần (Nguyễn Đồng Chi gọi là “Buổi khai mạc của vũ trụ”); 2) Tầng trời và đất, ở đó thiên thần kết hợp với nhân thần (Nguyễn Đồng Chi gọi là “Gia phả của họ nhà thần”); 3) Tầng núi và biển, ở đó nhân thần chinh phục thế giới và tạo nên nòi giống (Nguyễn Đồng Chi gọi là “Truyền thuyết về Lạc Long Quân”); 4. Tầng đất và nước, ở đó các anh hùng thời khuyết sử bắt đầu chiêu dân lập quốc (Nguyễn Đồng Chi gọi đó là “Dặt sự về đời Hùng Vương”),⁽³⁴⁾ trong đó có hình ảnh của các vị thần chủ trong thế giới thần thiêng của một dân tộc, như “thần nước chiếm vị trí đông đảo và quan trọng bậc nhất”,⁽³⁵⁾ việc tôn xưng thần Sét thành vị thần chủ của các vị thần khai thiên lập địa của các dân tộc Ba-na (Bahnar), Gia-rai (Djarai), Rơ-gao (Rengao); hay quá trình mỹ hóa Tây Vương Mẫu trong thần thoại Trung Quốc;⁽³⁶⁾

Sự đan xen thể loại thần thoại và truyền thuyết (“thần thoại trong khoảng cuối của nó, người, vật cùng ma quỷ đã len vào rải rác trong hàng ngũ của thần. Yếu tố truyền thuyết đã dần dần trong thần thoại”⁽³⁷⁾);

Mối quan hệ giữa thần thoại và lịch sử, thần thoại và tín ngưỡng, thần thoại và chính trị khiến cho “Chính bản thân thần thoại vốn là văn học nghệ thuật của người nguyên thủy. Thần thoại là sử thi, là tiểu thuyết lịch sử, lại là ngụ ngôn... Ngoài ra, thần thoại lại có liên quan đến những môn nghệ thuật khác như hội họa và điêu khắc”;⁽³⁸⁾

Nguyên nhân tàn mát của thần thoại Việt Nam (do việc chữ Nôm xuất hiện muộn, sự độc tôn chữ Hán, ảnh hưởng của tiên thoại, phật thoại từ Trung Quốc đến thần thoại Việt Nam).

Tất nhiên, công trình cũng đã có những nhận thức, quan niệm đã bị vượt qua (như quan niệm thần thoại phản ánh hiện thực chinh phục tự nhiên, đấu tranh xã hội của người nguyên thủy) và còn có một khoảng cách khá lớn với các nghiên cứu thần thoại trên thế giới trước và cùng thời với ông được thể hiện trong các quan niệm mang chiều sâu triết học và văn hóa như: Thần thoại là “truyện kể về những

sự khởi đầu mang tính văn hóa và tôn giáo”, là “truyện kể về các sự kiện diễn ra khi thế giới còn đang trong quá trình hình thành” (Claire T. Rarrer), là “những ẩn dụ qua thời gian mất đi ý nghĩa ban đầu và trở thành những thực thể có thể thay thế cho chúng” (Max Muller), “được nảy sinh từ tiềm thức tập thể” (C. Jung), “là những truyện kể thiêng liêng cung cấp những lý do căn bản cho sự tồn tại và cách làm việc trong các nền văn hóa đó” (W. Bascom).⁽³⁹⁾

3.2. Truyền thuyết

Trong thời kỳ đầu của việc xác lập ngành nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam, truyền thuyết có khi bị phủ nhận với tư cách là một thể loại (“Các danh từ truyền thuyết và dã sử như vậy là không bao hàm giới thuyết về một thể loại văn học nhất định. Những danh từ ấy nên coi như một thuật ngữ sử học, không nên coi như thuật ngữ văn học dân gian”⁽⁴⁰⁾), và việc công nhận nó, việc nghiên cứu đặc trưng thể loại truyền thuyết bị bỏ trống trong mấy thập niên.

Nghiên cứu về truyền thuyết thực sự bắt đầu vào thập niên 50 của thế kỷ XX. Trong khi các tác giả của *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam*⁽⁴¹⁾ để “truyền thuyết” vào cùng nhóm với “truyện cổ tích” thì Nguyễn Đồng Chi trong phần “Truyện truyền miệng” của cuốn *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* đã nghiên cứu truyền thuyết với tư cách là *một thể loại độc lập*. Ông đã từ những truyền thuyết cụ thể để nhận định về những đặc trưng quan trọng nhất của thể loại truyền thuyết ở các phương diện: đặc điểm nội dung, thời đại hình thành và sự thay đổi của bộ mặt truyền thuyết qua việc ghi chép ở nhiều thời đại. Ông viết: “Xét về đề tài truyền thuyết, có thể phỏng đoán rằng, truyền thuyết đã xuất hiện sau thần thoại. Truyền thuyết là những truyện lịch sử, và truyện lịch sử chỉ có thể có khi con người đã có ý thức về lịch sử của mình, về đất đai và xứ sở của mình”.⁽⁴²⁾ So với sự trống vắng của lý luận thể loại truyền thuyết trước đó, thành tựu của *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* có thể coi là những đột phá quan trọng. Đặc biệt, có thể coi những nhận xét ngắn mà Nguyễn Đồng Chi rút ra từ việc phân tích một số truyền thuyết cụ thể là những viên gạch đầu tiên đặt nền móng cho những bước tiếp theo trong lĩnh vực nghiên cứu truyền thuyết dân gian Việt Nam; trong đó, phải nói là nhận định “truyền thuyết là những truyện lịch sử” có sức ảnh hưởng khá sâu sắc đến các nhà nghiên cứu thế hệ sau.

Cùng với chương sách trong *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, các phần viết của Nguyễn Đồng Chi ở *Lược khảo về thần thoại Việt Nam* và *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* đã thể hiện các đóng góp sau đây của ông khi nghiên cứu về đặc trưng của truyền thuyết dân gian:

Định nghĩa của ông về truyền thuyết (“Truyền thuyết cứ như nghĩa của nó là những truyện nghe truyền từ xưa lại hay từ trong dân gian ra. Truyền thuyết là một khái niệm chỉ những sự việc lịch sử được kể lại do truyền tụng, không đảm bảo về phần chính xác. Nó có thể do người này truyền cho người khác mà sai lạc hoặc do sự tưởng tượng của dân chúng phụ họa, thêm bớt mà có”⁽⁴³⁾);

Nhận định của ông về cách thức tự sự của truyền thuyết (“điều cần chú ý trước hết là phần nhiều các truyền thuyết đều chưa được xây dựng thành truyện. Chúng chỉ mới là từng mẩu truyện”; “chưa có kết cấu trọn vẹn, chưa nhuần nhuyễn tính nghệ thuật”⁽⁴⁴⁾);

Mối quan hệ đặc biệt giữa truyền thuyết và truyện cổ tích: Tuy có chỗ Nguyễn Đồng Chi đã nhập truyền thuyết vào thần thoại hoặc vào truyện cổ tích khi phân

tích nội dung thể loại nhưng ông **thực sự phân biệt các thể loại này và sớm khẳng định tư cách thể loại của truyền thuyết**. Trong phần nghiên cứu ở *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, ông chia truyện cổ tích thành ba tiểu loại (Truyện cổ tích thần kỳ, Truyện cổ tích thể sự, Truyện cổ tích lịch sử, Tập 1, tr. 73); ở phần công bố tài liệu sưu tầm, có một số truyện được ông xếp trong các nhóm: “Sự tích đất nước Việt” (Nhóm II) và “Sự tích anh hùng nông dân” (Nhóm V) với tư cách là những truyện “cổ tích lịch sử”. Nhưng ông có nhất loạt dùng khái niệm “truyện cổ tích lịch sử” để thay thế “truyền thuyết” hay không? Ta hãy thử tìm hiểu quan điểm của ông về vấn đề này.

Nguyễn Đồng Chi là người có ý thức phân biệt thể loại rất rõ. Ông viết: “Truyền thuyết và cổ tích tuy giống nhau trên đại thể, nhưng thật ra vẫn là hai khái niệm cần phân biệt”.⁽⁴⁵⁾ Trong *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, ông đã phân biệt truyền thuyết và truyện cổ tích như sau: “Thời kỳ chế độ phong kiến là thời kỳ truyện cổ tích xuất hiện khá nhiều. Một số truyện cổ tích nhất định là lịch sử kể bằng miệng của nhân dân, sau khi đã được hoặc ít nhiều tô điểm hay phóng đại. Một số truyện khác là những truyện ghi nhớ các anh hùng của nhân dân. Những anh hùng này cũng là những anh hùng của lịch sử. Nhưng những anh hùng lịch sử trong truyện cổ tích lại khác những anh hùng lịch sử mà mọi người thường thấy trong chính sử. Lê Như Hổ trong truyện cổ tích vì vậy có nhiều chỗ khác Lê Như Hổ trong lịch sử của nhà Lê, Nguyễn Trãi trong truyện cổ tích cũng khác nhiều với Nguyễn Trãi trong chính sử. Nhưng chính Lê Như Hổ cũng như Nguyễn Trãi trong truyện cổ tích mới được nhiều người yêu mến”.⁽⁴⁶⁾ Tiếp tục quan điểm này, trong *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, ông viết: “Nếu truyền thuyết có thể đứng được thành một thể loại riêng biệt thì phải gồm những truyện xưa nói về anh hùng lực sĩ trong thời khuyết sử và thời Bắc thuộc đã được kỳ vĩ hóa, thần thánh hóa... Những anh hùng, lực sĩ sáng tác trong thời phong kiến tự chủ đương nhiên không thể liệt vào loại truyền thuyết này, vì nói chung, trong quan niệm nghệ thuật về con người của chúng, đã có sự khác biệt về chất. Con người ở đây không có phong thái chất phác vô tư và khảng khái như các nhân vật anh hùng thời xưa. Nhân vật Lê Phụng Hiểu là một nhân vật có sức khỏe tuyệt trần, nhưng cái ước muốn của Lê Phụng Hiểu thì chung quy không ngoài ước muốn phục vụ vua chúa phong kiến để cầu danh lợi. Vẻ đẹp của ông đã được một hệ quy chiếu thẩm mỹ khác trước quy định”.⁽⁴⁷⁾

Vì thế, để giải thích việc lựa chọn và sắp xếp truyền thuyết vào cùng trong phần truyện cổ tích của bộ *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, ông viết: “Tuy phân biệt truyền thuyết với cổ tích như trên nhưng ở đây, khi sưu tập, chúng tôi vẫn xếp chung truyền thuyết với cổ tích và coi như là những truyện cổ tích. Bởi vì, không những số lượng của chúng ít ỏi, mà về nội dung, những truyền thuyết này cũng được ít nhiều phong vị của cổ tích, nếu như không được phong vị của thần thoại”.⁽⁴⁸⁾

Như vậy, theo Nguyễn Đồng Chi, sự khác biệt giữa truyền thuyết và truyện cổ tích không phải là ở đề tài, mà là ở cách thức tự sự, theo đó, truyền thuyết là “sử bằng miệng của nhân dân” (chữ dùng của ông) về những người anh hùng lịch sử “mang phong thái chất phác vô tư và khảng khái” chủ yếu của thời khuyết sử hoặc Bắc thuộc, tồn tại trong những “mẫu truyện”; còn truyện cổ tích lịch sử là những truyện kể về người anh hùng nông dân đã được thêu dệt, hư cấu trong những truyện kể hoàn chỉnh mà trong đó, người anh hùng đã “lụy” vào đời thực bởi sự cầu danh lợi xuất hiện trong thời phong kiến tự chủ hay “được một hệ quy chiếu thẩm mỹ khác trước quy định” (theo cách nói của ông). Theo chúng tôi, sẽ rất khó chứng

minh về tính chính xác niên đại của các thể loại truyện truyền miệng mà thời điểm sáng tác luôn luôn là bắt đầu và thời điểm hoàn tất luôn luôn là ở phía trước; các văn bản cố định hóa chúng cũng chỉ là những mốc thời gian tương đối. Tuy nhiên, vẫn có thể nhìn thấy “hạt nhân logic” mang tính thống nhất trong quan niệm của Nguyễn Đồng Chi về thể loại truyện thuyết là: *về kiểu tổ chức nội dung*, nhân vật truyện thuyết được người kể đặt trong mối quan hệ với cộng đồng, còn nhân vật của truyện cổ tích được người kể đặt trong mối quan hệ thế sự (theo lý thuyết loại hình nội dung của G.N. Pospelov);⁽⁴⁹⁾ *về cách thức trần thuật*, truyện thuyết là thể loại tiên nghệ thuật, chỉ mới dừng lại ở các mẫu truyện; còn truyện cổ tích là loại nghệ thuật tự giác, đã được xây dựng thành các thể giới nghệ thuật độc lập. Tuy có một số dẫn chứng mà Nguyễn Đồng Chi đưa ra còn thể hiện ý thức thể loại chưa thật rõ ràng (ví dụ, có chỗ ông vẫn gọi thần thoại *Ông Đùng bà Đà* hay truyện cổ tích *Sự tích con muỗi*, *Sự tích hồ Ba Bể* là truyện thuyết⁽⁵⁰⁾), nhưng những căn cứ mang tính lý luận mà Nguyễn Đồng Chi khẳng định sự tồn tại độc lập của thể loại truyện thuyết đã thể hiện *cảm nhận đặc biệt tinh tế* của ông về một thể loại mà giới nghiên cứu không thừa nhận trong nhiều thập niên sau nghiên cứu của ông. Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, do quan niệm thời đại của truyện thuyết chủ yếu nằm trong thời Bắc thuộc nên nội dung của truyện thuyết trong quan điểm của Nguyễn Đồng Chi còn khá hạn hẹp, chủ yếu tập trung “phản ánh cuộc đấu tranh tích cực của nhân dân nhằm giải phóng khỏi ách áp bức dị tộc”.⁽⁵¹⁾ Giới hạn này đã được các nhà nghiên cứu sau ông vượt qua.

3.3. Truyện cổ tích

Trong các thể loại của văn học dân gian, truyện cổ tích là một đối tượng thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu hơn cả. Trên thế giới, việc nghiên cứu thể loại này được bắt đầu từ đầu thế kỷ XIX với công trình nghiên cứu của Jacob Grimm. Trong cuốn *Thần thoại Đức*, J. Grimm viết: “Có nhiều lý do thích đáng để phân biệt truyện cổ tích với truyện thuyết dân gian mặc dù chúng luân phiên kết nối với nhau. Lồng lẻo hơn và ít bị giới hạn hơn truyện thuyết, truyện cổ tích thiếu đi tính địa phương vốn đóng khung truyện thuyết và làm cho truyện thuyết chất phác hơn. Truyện cổ tích thì bay, truyện thuyết thì đi và gõ vào cửa từng nhà. Một bên thì có thể nối thẳng với sự phong phú của thi ca, còn bên kia thì lại gần như có uy quyền với lịch sử”.⁽⁵²⁾ Sự phân biệt này có ý nghĩa hình thành những khái niệm cơ bản, để từ đó, các nhà nghiên cứu đi sâu triển khai cụ thể hơn.

Việc nghiên cứu truyện cổ tích được triển khai mạnh mẽ hơn vào cuối thế kỷ XIX bởi các nhà nghiên cứu thuộc trường phái địa lý-lịch sử Phần Lan (Historic-Geographic Method) là Julius Leopold Fredrik Krohn (1835-1888), Kaarle Krohn (1863-1933), Antti Amatus Aarne (1867-1925) và sau đó là Stith Thompson (1885-1976) với các công trình nghiên cứu về type và motif; và bởi các nhà nghiên cứu thuộc trường phái cấu trúc với công trình *Loại hình học truyện cổ tích* (1928) của V.Ia. Propp (1895-1970). Hai lý thuyết này đã mở ra hai hướng nghiên cứu chính về truyện cổ tích trong thế kỷ XX trên thế giới và đã thu được nhiều kết quả, mà kết quả lớn nhất là tính loại hình của truyện cổ tích được thừa nhận, theo đó, những khuôn mẫu chung của truyện cổ tích thần kỳ (type, motif, chức năng nhân vật, cấu trúc truyện) là tương đồng trên toàn thế giới; bên cạnh đó, “những căn rễ xã hội” của truyện cổ tích thể hiện sự tương đồng và khác biệt của từng dân tộc.

So với thế giới, việc nghiên cứu truyện cổ tích Việt Nam được bắt đầu muộn hơn một nửa thế kỷ, và một trong những công trình đầu tiên là các nghiên cứu của

Nguyễn Đồng Chi được xuất bản lần đầu năm 1958. Trong Tập 1 của bộ sách *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (1958), Nguyễn Đồng Chi đã có một phần nghiên cứu bài bản về truyện cổ tích ở các góc độ: *bản chất truyện cổ tích, lai lịch truyện cổ tích, lịch sử phát triển của truyện cổ tích* và được tiếp tục ở Tập 5 (1982) với những *Nhận định tổng quát về kho tàng truyện cổ tích Việt Nam ở hai vấn đề chính: đặc điểm của truyện cổ tích Việt Nam và nguồn gốc của truyện cổ tích Việt Nam*. Ở các nghiên cứu này, có thể thấy Nguyễn Đồng Chi đã đặt ra các vấn đề quan trọng của nghiên cứu truyện cổ tích như:

Tính dân tộc - một nét nổi trội của cách kể truyện cổ tích (ông viết: “Khi truyện cổ tích của một dân tộc này truyền vào một dân tộc khác thì phải chuyển hóa thành một truyện mới, hay ít nhất cũng phải mang những motif mới, những màu sắc quen thuộc hoặc gần như quen thuộc với điều kiện sinh hoạt, với tâm hồn của dân tộc mới”.⁽⁵³⁾ Ở Tập 5, ông đã khẳng định lại điều này trong luận điểm về “tính chừng mực về độ trong tư duy nghệ thuật Việt Nam”.⁽⁵⁴⁾

Nghệ thuật trần thuật (so với thần thoại và truyền thuyết): ông chỉ ra rằng, truyện cổ tích mới là thể loại nghệ thuật tự giác, còn các thể loại khác là tiền nghệ thuật. Ông viết: “truyện cổ tích khác với các loại truyện dân gian khác ở chỗ, nó là một tác phẩm văn học hoàn chỉnh. Nó là một thể loại đã đạt đến cấp độ cao trong nghệ thuật tự sự truyền miệng, trước khi chuyển sang giai đoạn toàn thịnh của văn xuôi tự sự trong nền văn học viết”;⁽⁵⁵⁾ “Có thể nói, so với thần thoại và truyền thuyết, tính chất chung của truyện cổ tích là sự đa dạng của tâm lý, tính cách, đặt trong sự phức tạp của những tình tiết”.⁽⁵⁶⁾

Tính loại hình: sự tương đồng của truyện cổ tích thần kỳ thế giới (ví dụ, truyện cổ tích *Tám Cám*).

Quá trình hình thành truyện cổ tích (trong những tương tác của truyền miệng và văn bản, dân tộc và ngoại lai, tính bản địa, bản sắc của truyện cổ tích).

Dù chưa thực sự tiệm cận với việc nghiên cứu truyện cổ tích thế giới nhưng có thể thấy, những vấn đề mà Nguyễn Đồng Chi đặt ra và đạt tới là những cái mốc quan trọng trong việc nhận thức các giá trị nội dung và đặc biệt là giá trị dân tộc của truyện cổ tích Việt Nam.

III. Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam - Bộ sách để dấu ấn trong ngành folklore học Việt Nam

1. Nguyễn Đồng Chi - người kể truyện cổ tích có tài

Một tư cách nổi bật của Nguyễn Đồng Chi mà gần như không có đối tượng so sánh, đó là người kể truyện cổ tích. Với 200 truyện cổ tích được chọn lọc ra từ hàng vạn truyện để biên soạn, chỉnh lý và xuất bản trong gần 30 năm, Nguyễn Đồng Chi đã có những đóng góp quan trọng cho ngành cổ tích học Việt Nam.

Các đóng góp của Nguyễn Đồng Chi ở việc sưu tầm truyện cổ tích có thể thấy ở một khối lượng đồ sộ các bản kể có tính bao quát các vùng miền, các dân tộc Việt Nam; cách làm việc nghiêm cẩn của nhà khoa học trong việc ghi chú xuất xứ của truyện kể; cách điều tiết các sắc thái cảm xúc và ngôn ngữ để thể hiện được tâm hồn người Việt (lưu ý quan niệm của ông về “tính chừng mực về độ trong tư duy nghệ thuật Việt Nam” - Tập 5, tr. 2.427); việc phân loại các truyện kể vào các mục để người đọc dễ theo dõi; việc sắp xếp các dị bản để các nhà nghiên cứu có thể tham khảo. Ông ý thức rõ rằng: “Tôn trọng chủ đề và kết cấu đã có của những

truyện cổ tích trong đời sống truyền miệng từ xưa, chúng tôi cố gắng trình bày nguyên, không sửa chữa. Trường hợp những truyện có những địa phương kể khác nhau về chi tiết hay toàn phần, chúng tôi sẽ ghi tóm tắt ở mục Khảo dị để tiện tham khảo”.⁽⁵⁷⁾ Để làm được những thao tác này, Nguyễn Đồng Chi phải dành cả cuộc đời cho nó, mà không có một tình yêu tha thiết với di sản văn hóa dân tộc và ý thức chuyên nghiệp với công việc thì không thể làm nổi. Có thể thấy đằng sau các câu chuyện được kể là sự đan xen của một nhà nghiên cứu và một nghệ nhân, vừa làm việc nghiêm cẩn lại vừa có tâm hồn trong trẻo, một sự đồng cảm với các câu chuyện được kể và khao khát được chia sẻ sự đồng cảm đó với cộng đồng. Có lẽ chính vì thế mà Lê Văn Hảo đã nhận xét về Nguyễn Đồng Chi như sau: “Ông có cái tư chất của một nhà văn biết ghi lại trung thành niềm hứng khởi, nét ngây thơ và sự cảm động của người kể chuyện và nhà thơ dân gian”.⁽⁵⁸⁾

Ở Việt Nam, ông là người tiếp bước các thế hệ học giả danh tiếng như Trương Vĩnh Ký,⁽⁵⁹⁾ Huỳnh Tịnh Của,⁽⁶⁰⁾ Nguyễn Văn Ngọc,⁽⁶¹⁾ Vũ Ngọc Phan.⁽⁶²⁾ Tuy nhiên, thành công của bộ sưu tập 200 truyện cổ tích của ông thể hiện ở chỗ vừa mang tính bao quát và phong phú lại vừa mang tính chọn lọc và đại diện; vừa mang tính hồn nhiên của một thể loại truyện truyền miệng lại vừa mang tính nghệ thuật cao của các cách kể được gọt giũa trau chuốt đã thể hiện sự vượt trội của Nguyễn Đồng Chi trong tư cách người kể chuyện dân gian. Đặc biệt, các bản kể trong *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* mang phong cách của nhà văn hóa Nguyễn Đồng Chi đã thể hiện tính bản sắc của văn hóa dân tộc, và ở điểm này, ông hoàn toàn xứng đáng được so sánh với các nhà văn hóa lớn trên thế giới như Charles Perrault (1628-1703), Jacob Ludwig Karl (1785-1863) và Wilhelm Karl Grimm (1786-1859). Sự so sánh này không phải là để tôn vinh Nguyễn Đồng Chi mà là để khẳng định đóng góp của Nguyễn Đồng Chi cho dân tộc mình theo cách mà Charles Perrault làm cho nước Pháp và hai anh em Grimm làm cho nước Đức; đồng thời, cũng là để khẳng định những đóng góp của ông cho ngành cổ tích học thế giới như các đồng nghiệp quốc tế của ông đã làm.

2. Nguyễn Đồng Chi - Stith Thompson của Việt Nam

Trong vai “Nguyễn Đồng Chi - người kể chuyện cổ tích có tài”, cần khẳng định nét đặc biệt nhất của cái tài này là việc tách bạch và nổi trội vai “Nguyễn Đồng Chi - nhà nghiên cứu”. Và phải nói ngay là, với *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Nguyễn Đồng Chi là một đồng nghiệp xuất sắc của các nhà nghiên cứu theo trường phái địa lý-lịch sử Phần Lan.

Như trên đã nói, trường phái địa lý-lịch sử Phần Lan (Historic-Geographic Method) được sáng lập vào cuối thế kỷ XIX bởi các nhà nghiên cứu Phần Lan là Julius Leopold Fredrik Krohn, Kaarle Krohn, Antti Amatus Aarne với việc đi sâu nghiên cứu truyện cổ tích bằng việc tập hợp nhiều dị bản truyện cổ tích của châu Âu và sắp xếp chúng theo các đơn vị type và motif. Phương pháp này được áp dụng và phát triển bởi nhà cổ tích học Hoa Kỳ Stith Thompson; ông đã sưu tầm, tập hợp, lập bảng tra type và motif truyện cổ tích trên toàn thế giới.⁽⁶³⁾ Các công trình của ông lần lượt từ việc dịch và mở rộng bảng tra type truyện cổ tích do A. Aarne xác lập đến *Bảng tra motif văn học dân gian* (6 tập, 1932-1936)⁽⁶⁴⁾ và *Truyện cổ tích* (1946)⁽⁶⁵⁾ là sự kiên trì ứng dụng phương pháp địa lý-lịch sử Phần Lan vào việc nghiên cứu truyện cổ tích nói chung, văn học dân gian nói riêng. Phương pháp này ban đầu chỉ tập trung vào truyện cổ tích nhưng về sau, S. Thompson đã mở rộng ra nhiều thể loại khác và kết quả nghiên cứu chung của Aarne và Thompson (được gọi

là từ điển A-T) đã được áp dụng để sắp xếp nhiều thể loại truyện cổ dân gian vào các ô type và motif. Thành công của các công trình thuộc trường phái này đã mở ra một phong trào nghiên cứu truyện cổ tích từ góc độ type và motif trên toàn thế giới.

Phong trào này chỉ mới lan đến Việt Nam vào thập niên cuối thế kỷ XX nhưng trên thực tế, Nguyễn Đồng Chi đã thực sự làm việc theo một cách thức tương tự từ gần một nửa thế kỷ về trước. Trong *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, sau từng đơn vị truyện trong số 200 truyện cổ tích được kể, Nguyễn Đồng Chi đã cung cấp một số lượng lớn các truyện kể cùng type, hoặc những motif tương đồng, hoặc những type truyện mang nhiều motif vừa tương đồng vừa khác biệt và một bảng tra cứu tên truyện của phần *Khảo dị* ở cuối sách. Tuy nhiên, không chỉ là bảng tra, Nguyễn Đồng Chi đã cung cấp toàn bộ câu chuyện hoặc lược kể từng câu chuyện, tạo nên sự hứng thú theo dõi từng chuỗi truyện tương đồng, để người đọc thưởng thức và nhà nghiên cứu rộng đường tham khảo.

Có được những truyện kể tươi mát và tưởng như giản dị này, Nguyễn Đồng Chi - người kể chuyện đã được định hướng bởi một Nguyễn Đồng Chi - nhà nghiên cứu. Ông đã chứng tỏ sự mẫn cảm của một nhà nghiên cứu lý thuyết-thực tiễn ở chỗ, từ hàng nghìn bản kể thu thập được, ông đã lập nên những mô hình type và motif; đồng thời, từ thực tế sưu tầm và biên soạn, ông đã chỉ ra *tính bất biến* của truyện cổ tích của một dân tộc ở cốt truyện và motif và *tính khả biến* ở các tình tiết của motif hay sự kết hợp giữa các motif với nhau⁽⁶⁶⁾ mà sự trải nghiệm và thẩm sâu văn hóa Việt Nam đã giúp ông có được nhận thức này.

Không rõ Nguyễn Đồng Chi có từng tiếp xúc với lý thuyết của trường phái địa lý-lịch sử Phần Lan hay không, chỉ thấy con đường đi và kết quả ông đạt được vừa có những nét tương đồng của những trí tuệ lớn, vừa có tính riêng biệt được làm nên bởi bản sắc văn hóa Việt Nam, mà hơn đâu hết, chính kho tàng truyện cổ tích Việt Nam mà ông tìm tòi, trải nghiệm trong đó và cống hiến cả cuộc đời để hiểu nó đã giúp ông có được. Vì thế, nói Nguyễn Đồng Chi là “Stith Thompson của Việt Nam” là nói tâm vóc của công trình, tính đúc kết của thành quả lao động, giá trị gợi ý cho hậu thế, tính truyền cảm hứng cho đồng nghiệp; còn tính độc lập của một nhà khoa học và tính riêng biệt của bản sắc văn hóa thì Nguyễn Đồng Chi là một hiện tượng không thể so sánh.

Đồng thời, kết quả sưu tầm - nghiên cứu này, có thể nói, ở Việt Nam là độc nhất vô nhị; bởi để có được một công trình như thế, ngoài việc dành thời gian, công sức với một sự say mê vô tận, ngoài tinh thần nghiêm cẩn và trình độ chuyên nghiệp của nhà khoa học thì còn cần phải có cơ duyên tiếp cận với khối lượng truyện kể đồ sộ đang tồn tại trong đời sống. Tinh thần lao động và phẩm chất của nhà nghiên cứu mà ông có, hiện nay hầu như vắng bóng, việc kể truyện cổ tích trong đời sống, nay cũng không còn phong vị như xưa; do vậy, một công trình như *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* của Nguyễn Đồng Chi sẽ là một đi không trở lại ở Việt Nam. Nhận thức được điều này, vừa để nhìn nhận đúng giá trị và tâm vóc của các công trình nghiên cứu của Nguyễn Đồng Chi, vừa để nhìn nhận những vấn đề đang đặt ra cho nghiên cứu văn học dân gian của ngày hôm nay.

*

* *

Tôi đọc Nguyễn Đồng Chi khi mới là học sinh cấp 1 của một trường làng. Chính tại không gian làng quê heo hút, nơi chân trời được giới hạn bởi một đoạn

đường quanh co bị chặn lại bởi những ngọn núi, những câu chuyện cổ tích của ông đã tạo nên một ấn tượng sâu sắc không thể phai mờ về một thế giới của lòng nhân, tính thiện; đã ươm trong tôi những hạt giống ước mơ mà nhờ nó tôi đã vượt ra khỏi lũy tre làng để tới những chân trời mới. Bản thân tôi cũng không ngờ để hiểu được người kể chuyện duyên dáng và hóm hỉnh đó, cần phải khổ học nhiều năm vẫn chưa đủ; nhưng có một điều chắc chắn là để hiểu điều ông kể thì cần có/cần nuôi dưỡng một tâm hồn trong trẻo - đó cũng chính là điều Nguyễn Đồng Chi muốn đạt tới thông qua những câu chuyện mang khát vọng về sự chiến thắng của cái thiện mà ông khổ công suốt cả cuộc đời dành cho người đọc.

Hà Nội, tháng 01/2015

T T A

CHÚ THÍCH

- (1) Lord Albert B, *The Singer of Tales*, Harvard University Press, Cambridge-MA, 1960, New York, 1976.
- (2) Lord Albert B, *The Singer of Tales*, 1960, Sdd, tr. 3.
- (3) Lord Albert B, *The Singer of Tales*, 1960, Sdd, tr. 5.
- (4) Các nhà nghiên cứu folklore trên thế giới đã chuyển từ cách tiếp cận văn bản (text-based approach) sang tiếp cận bối cảnh (context-based approach) và sử dụng thuật ngữ (verbal art) thay cho các khái niệm văn học dân gian (folk literature) hoặc văn học truyền miệng (oral literature) nhằm thoát ly hoàn toàn sự vướng vẩn về “văn học” ngay từ trong khái niệm (William Bascom, *Verbal Art, Journal of American Folklore*, 68 (1955), tr. 245-252; Richard Bauman, *Verbal Art as Performance*, Texas, 1984, tr. 11).
- (5) Văn Tân - Nguyễn Hồng Phong - Nguyễn Đồng Chi - Vũ Ngọc Phan, *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, Q. I, Nxb Văn sử địa, Hà Nội, 1957, tr. 75.
- (6) M. Bakhtin, *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết*, Phạm Vĩnh Cư tuyển chọn, dịch và giới thiệu, Bộ Văn hóa-Thông tin-Thể thao và Trường Viết văn Nguyễn Du, Hà Nội, 1992.
- (7) Richard Bauman, *Thể loại*, In trong *Folklore - Một số thuật ngữ đương đại*, Ngô Đức Thịnh và Frank Proschan chủ biên, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005, tr. 246.
- (8) Dan Ben-Amos, *Folklore Genres* (Thể loại folklore), Texas, 1976, trang x.
- (9) Nguyễn Đồng Chi đã lưu ý đến hai biến đổi này (các “lớp áo” của ngôn bản do môi trường xã hội và sự biến đổi do phong cách người kể chuyện – *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 5, 1993, tr. 2.421-2.426).
- (10) Nguyễn Đồng Chi, *Việt Nam cổ văn học sử*, Hàn Thuyên xuất bản cục, Hà Nội, 1942.
- (11) Nguyễn Đồng Chi, *Lược khảo về thần thoại Việt Nam (Tài liệu tham khảo văn học)*, Nxb Văn sử địa, Hà Nội, 1956. Những trích dẫn trong bài này lấy từ *Nguyễn Đồng Chi - Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*, Quyển I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003.
- (12) Văn Tân - Nguyễn Hồng Phong - Nguyễn Đồng Chi - Vũ Ngọc Phan, *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, Q. I, Sdd.
- (13) Trong bài này, chúng tôi sử dụng bản *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, 5 tập, Viện Văn học, Hà Nội, 1993.
- (14) Richard M. Dorson, *Folklore and Folklife: An Introduction* (Folklore và đời sống dân gian: Nghiên cứu nhập môn), The University of Chicago Press, 1972.
- (15) Elliott Oring, *Folk Groups and folklore genres: An introduction* (Nhóm dân gian và thể loại folklore: Nghiên cứu nhập môn), Utah State University Press, 1986.
- (16) Nguyễn Đồng Chi, *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, Q. I, Sdd, tr. 76.
- (17) Đinh Gia Khánh - Chu Xuân Diên, *Văn học dân gian*, 2 tập, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1973.
- (18) Cao Huy Đình, *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1974, tr. 224.
- (19) Hoàng Tiến Tựu, *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1990, tr. 3-4.

- (20) Nguyễn Đồng Chi, “Tri thức dân gian”, *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Nxb Nghệ An tái bản, 2010, tr. 117-194.
- (21) Nguyễn Đồng Chi (Chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ-Tĩnh*, Nxb Nghệ An, 1995.
- (22) Dẫn theo Đỗ Bình Trị, *Nghiên cứu tiến trình của văn học dân gian Việt Nam*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, 1978, tr. 57.
- (23) Nguyễn Đồng Chi, *Việt nam cổ văn học sử*, 1942, Sdd.
- (24) Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, Sdd, tr. 52.
- (25) Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, Sdd, tr. 73. Chỗ in nghiêng do người trích dẫn nhấn mạnh.
- (26) Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, Sdd, tr. 75. Chỗ in nghiêng do người trích dẫn nhấn mạnh.
- (27) Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, Sdd, tr. 74. Chỗ in nghiêng do người trích dẫn nhấn mạnh.
- (28) A. M. Novicova (Chủ biên), *Sáng tác thơ ca dân gian Nga*, Đỗ Hồng Chung và Chu Xuân Diên dịch, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1983, tr. 293.
- (29) Nguyễn Đồng Chi, *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, Sdd, tr. 35.
- (30) Nguyễn Đồng Chi, *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, Q. I, Sdd, tr. 93, tr. 95.
- (31) Nguyễn Đồng Chi, *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, Sdd, tr. 16.
- (32) Nguyễn Đồng Chi, *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, Sdd, tr. 17.
- (33) Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, Sdd, tr. 115.
- (34) Trần Gia Linh, “Cuốn sách lý luận đầu tiên về thần thoại Việt Nam”, in trong *Nguyễn Đồng Chi - Người miệt mài tìm kiếm các giá trị văn hóa dân tộc*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 169.
- (35) Trần Gia Linh, Bdd, tr. 167.
- (36) Nguyễn Đồng Chi, *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, Sdd, tr. 33.
- (37) Nguyễn Đồng Chi, *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, Sdd, tr. 35.
- (38) Nguyễn Đồng Chi, *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, Sdd, tr. 43.
- (39) Claire R. Rarrer, *Thần thoại*, in trong *Folklore - Một số thuật ngữ đương đại*, Sdd, tr. 246.
- (40) Đình gia Khánh - Chu Xuân Diên, *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1962. Trích dẫn này lấy từ Đình gia Khánh - Chu Xuân Diên - Võ Quang Nhơn, *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997, tr. 271.
- (41) Do Nhóm Lê Quý Đôn (Trương Chính - Lê Trí Viễn - Huỳnh Lý - Đỗ Đức Hiểu - Vũ Đình Liên) thuộc Ban Tu thư Bộ Giáo dục biên soạn, 3 tập, Nxb Xây dựng, Hà Nội, 1957.
- (42) Nguyễn Đồng Chi, *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, Q. I, Sdd, tr. 81.
- (43) Nguyễn Đồng Chi, *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, Sdd, tr. 23.
- (44) Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, Sdd, tr. 62-63.
- (45) Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, Sdd, tr. 61.
- (46) Nguyễn Đồng Chi, *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, Q. I, Sdd, tr. 95.
- (47) Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, Sdd, tr. 64-65.
- (48) Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, Sdd, tr. 65.
- (49) Trong tác phẩm *Những vấn đề của sự phát triển lịch sử văn học*, G.N. Pospelov cho rằng, lịch sử văn học thế giới được triển khai theo 4 loại hình nội dung đó là: *loại hình nội dung thần thoại, loại hình nội dung dân tộc-lịch sử, loại hình nội dung thế sự và loại hình nội dung đời tư*. “Loại hình nội dung” không phải là “đề tài” hay “chủ đề” mà là một kiểu tổ chức nội dung thể hiện sự khái quát một phạm vi đời sống rộng lớn được thể hiện bằng các mối quan hệ diễn hình trong sự phát triển của nhân loại qua điểm nhìn của con người ở các giai đoạn phát triển của lịch sử, và vì thế, chúng có sức khái quát các vấn đề của sự phát triển văn học thế giới. Cụ thể, loại hình nội dung thần thoại khai thác mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên nhằm lý giải sức mạnh và quy luật của tự nhiên; Loại hình nội dung dân tộc-lịch sử thể hiện mối quan hệ giữa cộng đồng với cộng đồng hoặc quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng nhằm lý giải sự hình thành dân tộc, biểu hiện sức mạnh và sự cố kết cộng đồng trong việc

củng cố và bảo vệ quốc gia; Loại hình thể sự khai thác mối quan hệ giữa các tầng lớp trong xã hội, lý giải những vấn đề đạo đức phong tục; Loại hình nội dung đời tư miêu tả đời sống từ góc độ đời tư của cá nhân [G.N. Pospelov, *Những vấn đề của sự phát triển lịch sử văn học*, Nxb Giáo dục, Maxcova, 1972, tr. 197].

- (50) Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, Sdd, tr. 62-63.
- (51) Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, Sdd, tr. 116.
- (52) Jacob Grimm, *Germanic Mythology* (Thần thoại Đức - 1835), Scott-Townsend xuất bản, Washington, DC., 1997, tr. 3.
- (53) Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, Sdd, tr. 69.
- (54) Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 5, Sdd, tr. 2.427.
- (55) Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, Sdd, tr. 72.
- (56) Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, Sdd, tr. 88.
- (57) Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, Sdd, tr. 12.
- (58) Lê Văn Hảo, "Trésor des Contes Vietnamiens de Nguyễn Đồng Chi", *BEFEO*, Paris, N° 1-1964. Dẫn theo Nguyễn Chung Anh, "Nguyễn Đồng Chi - Nhà văn, nhà khoa học". In trong *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, Sdd, tr. 43.
- (59) Trương Vĩnh Ký, *Truyện đời xưa*, Sdd.
- (60) Huỳnh Tịnh Của, *Chuyện giải buồn*, Sdd, và một số tập truyện sưu tầm khác.
- (61) Nguyễn Văn Ngọc, *Truyện cổ nước Nam*, Sdd.
- (62) Vũ Ngọc Phan, *Truyện cổ tích Việt Nam*, Sdd.
- (63) Stith Thompson, *The Type of the Folktale - A Classification and Bibliography*, Antti Aarne's *Verzeichnis der Märchentypen*, FF Communicationss N° 3. Translated and Enlarged by Stith Thompson (Kiểu truyện cổ tích. Bảng phân loại và thư mục. Danh mục truyện cổ tích của Antti Aarne công bố trên *Thông báo của các nhà folklore* số 3, được Stith Thompson dịch và mở rộng), xuất bản các năm 1928, 1946, 1964, 1981 tại Helsinki và Hoa Kỳ.
- (64) Stith Thompson, *Motif-index of Folk-Literature, A classification of narrative elements in folktale, ballads, myths, fables, medieval romances, exempla, fabliaux, jest-books and local legends* (Bảng tra motif văn học dân gian. Bảng phân loại các yếu tố tự sự trong truyện cổ tích, ballad, huyền thoại, truyện ngụ ngôn, văn học Trung đại, tiểu thuyết lãng mạn, tiểu thuyết, truyện thơ tiểu lâm, truyện cười và truyền thuyết địa phương), Bloomington, Indiana, USA, xuất bản 1932-1936.
- (65) Stith Thompson, *The Folktale* (Truyện cổ tích), xuất bản ở Hoa Kỳ vào các năm 1946, 1951, 1977.
- (66) Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 5, Sdd, tr. 2.421.

TÓM TẮT

Bài viết phân tích những đóng góp của học giả Nguyễn Đồng Chi vào việc nghiên cứu 3 thể loại văn học dân gian chủ yếu: thần thoại, truyền thuyết và truyện cổ tích được thể hiện tập trung ở 4 công trình: *Việt Nam cổ văn học sử*, *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* và *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*.

ABSTRACT

THE CONTRIBUTION OF NGUYỄN ĐỒNG CHI TO THE RESEARCH OF VIETNAMESE FOLKLORE GENRES

The article analyzes the contribution of scholar Nguyễn Đồng Chi to the research of three major folklore categories, i.e. myths, legends and fairy tales, in his four works: "*History of Ancient Vietnamese Literature*", "*A brief Examination of Vietnamese Legends*", "*First Draft of Vietnamese Literary History*" and "*A Treasure Chest of Old Vietnamese Stories*".